Phụ lục I.5

DANH MỤC HÓA CHẤT, KÍT XÉT NGHIỆM THÔNG THƯỜNG ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời báo giá ngày 22 / 5 /2023 của Bệnh viện Quân y 103)

STT	Tên hóa chất	Yêu cầu của hàng hóa về chất lượng, mô tả chi tiết thông số kỹ thuật	ĐVT
1	Acid acetic	Đạt tiêu chuẩn DĐVN V	Lít
2	Cloramfenicol Tiêm	Theo DĐVN V về chuyên luận hóa chất pha chế thuốc tiêm	Kg
3	Glycerin	Đạt tiêu chuẩn DĐVN V	ml
4	Iod Tinh Thể Dược Dụng	Đạt tiêu chuẩn DĐVN V	Kg
5	Kali Iodid Dược Dụng	Theo DĐVN V về chuyên luận hóa chất pha chế thuốc	Kg
6	Bộ kít xét nghiệm đông máu nhanh ACT	Bộ ống mẫu cho máy đo độ đông máu nhằm phát hiện Heparin với các mẫu máu tươi hoàn toàn trong phẫu thuật tim mạch, phẫu thuật mạch máu và tạo hình mạch vành (PTCA)	Test
7	Cồn 96 độ	Đạt tiêu chuẩn DĐVN V	Lít
8	Test hơi thở C13	Gồm ống thở và túi thở, thành phần chính là: Urê- [13C]; Urea 13c là viên dạng tan, trong trường hợp bệnh nhân khó uống thì viên con nhộng có thể hòa tan được với nước và uống trực tiếp	Test
9	Acid Salicylic Dược Dụng	Đạt tiêu chuẩn DĐVN V	Kg
10	Bạc Nitrat	Đạt tiêu chuẩn DĐVN V	Gam
11	Barisulfat	Đạt tiêu chuẩn DĐVN V	Gói
12	Dầu DEP	Đạt tiêu chuẩn DĐVN V	Lít
13	Natri Clorid Pha Tiêm	Theo DĐVN V về chuyên luận hóa chất pha chế thuốc tiêm	Kg
14	Gnathostoma - giun đầu gai	1. Khoảng giới hạn OD 450-620: - Chứng âm: từ 0,0 - 0,2 - Chứng dương: ≥ 0,5 2. Đặc hiệu cho giun đầu gai, không phản ứng chéo với 1 số loại KST khác Thành phần gồm: KTE-01(20X), KTE-05 (2X), KTE-04, KTE-03, KTE-02, Postive control E01GNA01-PC, Negative Control E01GNA01-NC	Hộp
15	Toxoplasma IgG	- Xét nghiệm miễn dịch Enzyme (ELISA) cho định lượng/định tính các kháng thể IgG Toxoplasma gondii trong huyết tương và huyết thanh. - Độ nhạy: ≥98% - Độ đặc hiệu: ≥98% - Giới hạn phát hiện: ≥10 IU/ml - Độ ổn định: tại 2-8°C trong 15 tháng - Tỉ lệ pha loãng: 1:101; Tổng thời gian ủ 140 phút; Đọc kết quả ở bước sóng 450nm - Thành phần gồm: Toxoplasma IgG plate 96 well plate, Bộ mẫu chuẩn gồm có CAL 1 , 2, 3, 4, 5, 6; Huyết thanh đối chứng (Control):Washbuf (20X); Dilspe, Conjugate, Subs Tmb, H2SO4 0.3M, Tấm dán khay	Hộp
16	Thạch bột đông khô Sabouraud Chloramphenicol agar	Môi trường chọn lọc cho nuôi cấy nấm men và nấm sợi từ bệnh phẩm có nhiều vi sinh vật. Thành phần bao gồm: Casein peptone (bovine), Gelatin peptone (bovine or porcine), Dextrose Chloramphenicol, Agar, Nước tinh khiết, pH6.2. Đạt tiêu chuẩn ISO Hộp >500g	Gam

STT	Tên hóa chất	Yêu cầu của hàng hóa về chất lượng, mô tả chi tiết thông số kỹ thuật	ĐVT
17	Angiostrongylus cantonensis - Giun lươn não (Giun tròn chuột)	- Xét nghiệm miễn dịch enzym bán định lượng để phát hiện kháng thể IgG với Angiostrongylus, trong các mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. - Tỉ lệ pha loãng: 1:101; Tổng thời gian ủ 50 phút; Đọc kết quả ở bước sóng 450nm - Giá trị tham chiếu cho các chất chứng là: Chứng âm - 0.0 - 0.2 đơn vị OD Chứng dương - ≥ 0.5 đơn vị OD - Thành phần bộ xét nghiệm: Angiostrongylus IgG plate 96 well plate, conjugate, control +, control - subs TMB washbuf sample diluent stop solution	Hộp
18	Kit - Toxoplasma gondii IgM Elisa	- Xét nghiệm miễn dịch Enzyme (ELISA) "Capture" để xác định kháng thể IgM kháng Toxoplasma Gondii trong huyết tương và huyết thanh người - Độ nhạy chẩn đoán: ≥98% - Độ đặc hiệu chẩn đoán: ≥98% - Độ ổn định: tại 2-8°C trong 15 tháng - Tỉ lệ pha loãng: 1:101; Tổng thời gian ủ 140 phút; Đọc kết quả ở bước sóng 450 nm - Thành phần bộ xét nghiệm: Toxoplasma gondii IgM plate 96 well plate; Control âm; Control dương; Chất hiệu chuẩn, T.gondii Ag đông khô; Washbuf (20X), Dilspe; Ag dil, Conjugate, Subs Tmb H2SO4 0.3M Tấm dán khay	Hộp
19	Chrom Agar TM _Candida	Định loại Nấm Candida. Tổng g/L: 47.7 g/L Thành phần g/l: - Agar 15.0 - Pepton 10.2 - Chloramphenicol 0.5 - Chromogenic mix 1.0 Dạng: Bột khô Bảo quản: 15-30 độ C	Gam

Tổng số khoản: 19 khoản./.